

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ
MDF VRG - QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 49.../BCTN-MDFQT

Quảng Trị, ngày 03 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ NĂM 2021

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200228141
- Vốn điều lệ: 551.135.970.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 551.135.970.000 đồng
- Địa chỉ: KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
- Số điện thoại: 0533566978
- Số fax: 0533560482
- Website: mdffquangtri@mdffquangtri.vn
- Mã cổ phiếu: MDF

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị chuyên sản xuất ván sợi nhân tạo MDF được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3003000054 ngày 28 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp và sửa đổi lần thứ 08 ngày 23 tháng 5 năm 2016.

Thành lập lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2005, với vốn điều lệ: **80 tỷ đồng**. Trong đó:

- Tổng Công ty Cao Su Việt Nam (góp 35% vốn điều lệ): 28 tỷ đồng
- Công ty XD và SX gỗ MDF COSEVCO (góp 40% vốn điều lệ): 32 tỷ đồng
- Công ty Cao Su Tân Biên (góp 15% vốn điều lệ): 12 tỷ đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 10% vốn điều lệ): 8 tỷ đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3003000054 (sửa đổi lần thứ hai) ngày 05 tháng 10 năm 2007. **Vốn điều lệ: 346.000.000.000 đồng**. Trong đó:

- Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 75,79% V ĐL): 261.058.500.000 đồng
- Công ty Cao su Tân Biên (góp 9,78% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 10,32% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cổ đông CB-CNV công ty (góp 4,12% V ĐL): 14.174.950.000 đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3200228141 (sửa đổi lần thứ 5) ngày 29 tháng 6 năm 2010. **Vốn điều lệ: 344.460.000.000 đồng**. Trong đó:

- Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 75,79% V ĐL): 261.058.500.000 đồng
- Công ty Cao su Tân Biên (góp 9,78% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 10,32% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cá nhân: 14.174.950.000 đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3200228141 (sửa đổi lần thứ 7) ngày 09 tháng 10 năm 2014. **Vốn điều lệ: 450.398.970.000 đồng**. Trong đó:

- Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 81,46% V ĐL): 366.880.500.000 đồng
- Công ty Cao su Tân Biên (góp 7,48% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 7,89% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cá nhân: 14.174.950.000 đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3200228141 (sửa đổi lần thứ 8) ngày 23 tháng 05 năm 2016. **Vốn điều lệ: 551.135.950.000 đồng.** Trong đó:

- Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 84,85% V ĐL): 467.617.480.000 đồng
- Công ty Cao su Tân Biên (góp 6,11% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 6,45% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cá nhân (góp 6,45% V ĐL): 14.291.920.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã giao dịch trên sàn Upcom vào ngày 25 tháng 02 năm 2011.

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh (thay đổi đăng ký lần 8)

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác

Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, Okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm khác từ gỗ)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu ván nhân tạo (MDF, Okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm khác từ gỗ); gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện

Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ

- Trồng rừng và chăm sóc rừng

Chi tiết: Trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông sản, lâm sản

- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ; xe, máy móc thiết bị, phụ tùng

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán; phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Vận tải hành khách đường bộ khác

- Đại lý môi giới đầu giá

Chi tiết: Đại lý môi giới

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Tư vấn đầu tư

- Xây dựng nhà các loại

Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp

- Chuẩn bị mặt bằng

- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán

Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu

- Khai thác gỗ

Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết: Kinh doanh khách sạn

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng

- Lắp đặt hệ thống điện

Chi tiết: Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ; giáo dục đào tạo

3.2 Địa bàn kinh doanh

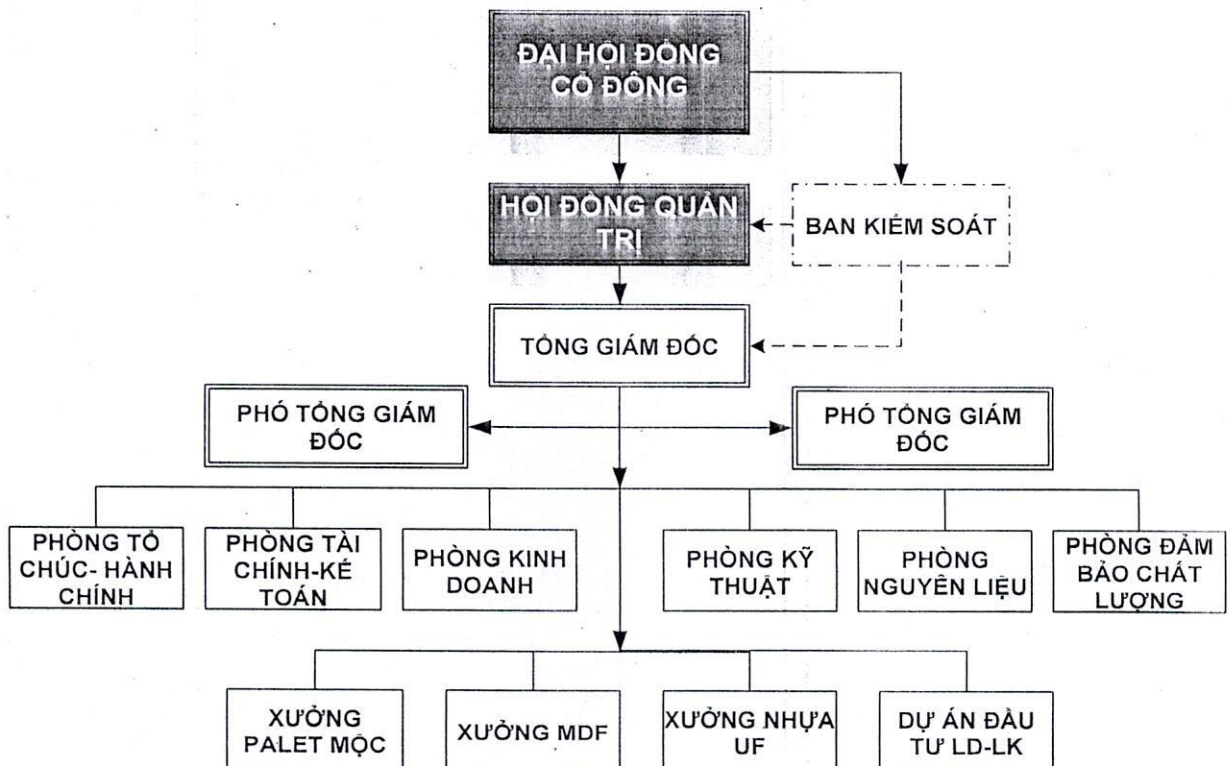
Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng trị kinh doanh sản phẩm gỗ MDF trên cả thị trường trong nước lẫn thị trường quốc tế. Sản phẩm gỗ MDF từ chỗ tiêu thụ 100% ở trong nước đến năm 2012 xuất khẩu 42,6% trong tổng doanh số. Thị trường xuất khẩu chủ yếu các nước Trung đông như Ấn độ, Pakistan vv... Châu Âu, Nhật bản, Thị trường trong nước tiêu thụ chủ yếu ở TP HCM, Hà Nội xuất cho các đơn vị gia công thành các sản phẩm đồ dùng rồi xuất tiếp tiêu thụ các nước trên thế giới.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá X kỳ họp thứ V thông qua ngày 29/11/2005 nay là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay bao gồm: Tại trụ sở hoạt động của Công ty gồm Văn phòng Công ty và 03 xưởng sản xuất gồm: xưởng Palet mộc, Xưởng MDF, Xưởng Nhựa UF.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Quản lý chặt chẽ chi phí giá thành, đảm bảo kinh doanh có lãi; bảo toàn, phát triển được vốn và tài sản của Công ty. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty. Vì quyền lợi của các cổ đông, khách hàng và người lao động.

+ Sản xuất đi đôi với việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

+ Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh có thể mạnh: Nâng cao sản lượng sản phẩm nhựa keo UF không những đảm bảo cho việc sản xuất sản phẩm chính gỗ MDF của Công ty mà còn tiêu thụ ra bên ngoài.

+ Trực tiếp sản xuất nguyên liệu đầu vào Formaline, Keo UF cung cấp cho sản xuất gỗ MDF của công ty và bán ra ngoài.

+ Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động chuyên sâu về sản xuất hoàn thiện chi tiết sản phẩm từ ván MDF, nâng cao giá trị trong sản xuất gia công chế biến như phủ mặt ván MDF bằng sơn, bằng melamine, vv..., sản xuất gia công chế biến hoàn thiện các chi tiết từ gỗ rừng, các mặt hàng trang trí nội thất đồ gỗ nhằm không ngừng phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.

+ Tạo thu nhập ổn định, lâu dài và giải quyết việc làm cho cho 400 CB-CNV cán bộ công nhân viên.

+ Nâng cao và phát triển văn hoá doanh nghiệp.

+ Mục tiêu chủ yếu năm 2022:

- Lợi nhuận trước thuế	:	88.033.241.531 đồng
- Doanh thu	:	1.284.969.696.122 đồng
- Sản lượng sản xuất	:	240.000 m ³ gỗ MDF

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

* Phát triển nguồn nguyên liệu và tài nguyên đất:

Công ty đã có chiến lược liên doanh liên kết với các Tổ chức, Lâm trường trên địa bàn Quảng Trị về việc đầu tư trồng rừng nguyên liệu cho dự án MDF dây chuyền 2 và dây chuyền 1.

Đầu tư nâng cấp triển khai sản xuất nhựa keo UF để sản xuất gỗ MDF đạt tiêu chuẩn Carp1, Carp0 phù hợp với yêu cầu tiêu dùng ngày càng cao theo quy định của tiêu chuẩn quốc tế, sản xuất keo cho gỗ MDF không thấm nước, MDF chống cháy, an toàn cho người tiêu dùng.

* Về thị trường tiêu thụ:

Chiến lược thị trường tiêu thụ sản phẩm MDF của Công ty là cạnh tranh và đẩy lùi các sản phẩm MDF nhập ngoại tương đương như MDF Malaysia, MDF Thailand, MDF Trung Quốc... nhằm chiếm lĩnh thị phần trong nước.

Công ty có chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu 20% - 50% tổng sản phẩm sản xuất gỗ MDF VRG Quảng Trị nhằm phát triển và khẳng định thương hiệu sản phẩm của Công ty trên thế giới cũng như trong nước. Đồng thời gia tăng lợi nhuận của Công ty và tạo nguồn ngoại tệ cho việc nhập thiết bị.

* Về tài chính: Luôn luôn bảo toàn và phát triển vốn, các chỉ tiêu tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, bảo đảm hài hoà lợi ích giữa người lao động, nộp ngân sách Nhà nước và cổ tức cho cổ đông.

6. Các nhân tố rủi ro

a. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về tăng trưởng kinh tế:

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị là doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng với sản phẩm chủ lực là gỗ MDF, do vậy hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào

tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập của người dân cao, đời sống vật chất được đảm bảo thì nhu cầu xây dựng cao ốc, xây dựng nhà cửa, mua sắm các mặt hàng trang trí nội thất bằng gỗ cao cấp, ván sàn... tăng cao tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Công ty. Do vậy, trong điều kiện nền kinh tế khó khăn, hoạt động của Công ty sẽ gặp nhiều thách thức. Tuy nhiên, với kinh nghiệm hoạt động trong ngành kinh doanh gỗ nhiều năm, Công ty luôn có các biện pháp đối phó để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của nền kinh tế đến hoạt động sản xuất của Công ty

Rủi ro về lạm phát: Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát xảy ra do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là từ việc điều hành kinh tế vĩ mô và nguyên nhân khách quan từ thị trường thế giới. Tăng giảm lạm phát sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp và ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lạm phát tăng cao gây khó khăn cho tất cả các thành phần trong nền kinh tế, và MDF cũng ít nhiều chịu ảnh hưởng bởi rủi ro này. Mặc dù, Chính phủ đã thực thi nhiều biện pháp nhằm kiềm chế lạm phát và đạt được những tín hiệu khả quan. Một số mặt hàng trực tiếp đầu vào sản xuất gỗ MDF như gỗ rừng trồng, keo UF, nhũ tương, điện, xăng dầu vv... tăng giá liên tục qua các tháng và bình quân qua các năm khiến giá thành sản xuất tăng. Tuy vậy, thông qua cải tiến công nghệ, kiểm soát tốt và giảm dần định mức tiêu hao nguyên liệu chính, nguyên vật liệu đóng kiện, Công ty có khả năng hạn chế ảnh hưởng việc tăng giá đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Rủi ro về luật pháp

Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các luật, nghị định... liên quan Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan như Luật Thuế, Luật chứng khoán, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới; đồng thời phải chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Cục Chế biến, Thương mại, nông lâm thủy sản và nghề muối. Do vậy, bất kỳ một sự thay đổi nào trong các quy định pháp luật này đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam còn nhiều bất cập nhất là các văn bản pháp luật điều chỉnh về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Là một Công ty có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Upcome tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, MDF phải tuân thủ theo các qui định đó và có khả năng gặp vướng mắc trong các vấn đề về phát hành chứng khoán ảnh hưởng đến tiến độ sử dụng vốn.

Mặc khác, Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị chuyên sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo, nên ngoài việc ảnh hưởng bởi các yếu tố có liên quan đến luật trong nước còn ảnh hưởng bởi luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, khi mở rộng, phát triển thêm thị trường xuất nhập khẩu và mở rộng thị trường nội địa thì việc kinh doanh của Công ty sẽ an toàn hơn, sẽ làm giảm tác động ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty khi có biến động ở một nước

c. Rủi ro đặc thù

Rủi ro thị trường: Trong bối cảnh khi Việt Nam đã gia nhập WTO, TPP thị trường Việt Nam rất sôi động với nhiều tập đoàn lớn bán lẻ ở nước ngoài. Những tập đoàn này không chỉ kinh doanh bán lẻ mà còn sản xuất hàng tiêu dùng tại đây để tận dụng nguồn nhân lực và tiết giảm chi phí. Với công nghệ hiện đại, nguồn vốn mạnh, nguồn nguyên liệu tốt và kinh nghiệm quản lý sản xuất, sản phẩm của các tập đoàn này sẽ cạnh tranh tốt trên thị trường về cả chất lượng lẫn giá cả. Tuy phân khúc thị trường có thể khác nhau nhưng ngành hàng sản xuất từ gỗ MDF của Công ty cũng sẽ gặp ít nhiều khó khăn hơn, đòi hỏi phải nâng cao chất lượng và cung cấp giá cả cạnh tranh hơn rất nhiều mới có thể giữ vững được khách hàng mục tiêu đang có.

Rủi ro lãi suất: Với những dự án mà Công ty đang dự định triển khai, việc huy động vốn dưới hình thức đi vay là một lựa chọn phải thực hiện. Trong điều kiện đó, sự biến động của lãi suất ngân hàng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của Công ty. Nếu lãi suất biến động theo chiều hướng tăng lên, chi phí lãi vay sẽ cao, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021, là năm hết sức khó khăn trước đại dịch covid-19 bùng phát lần thứ 4 tại Việt Nam. Ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, kinh tế xã hội của đất nước. Đặc biệt, trong quý II và III/2021 dịch bùng phát mạnh tại TP HCM và các tỉnh phía Nam sau đó dần lan ra Miền Bắc, Miền Trung. Nhiều tỉnh, thành thực hiện biện pháp cách ly xã hội, mọi hoạt động giao thương của nền kinh tế đình trệ, ngừng hoạt động, bị đứt gãy, tăng trưởng âm.

Với sức mạnh tàn phá của dịch covid-19 năm 2021 trên 40.000 người thiệt mạng, hàng triệu người thất nghiệp, làn sóng dịch chuyển dân cư, lao động từ các TP lớn về các tỉnh chưa từng có từ trước đến nay. Sức khỏe của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng, hàng triệu người mất thu nhập, rất nhiều gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn.

Mặc dù tại tỉnh Quảng Trị dịch covid-19 không phức tạp như các vùng khác, nên tình hình sản xuất kinh doanh những tháng đầu năm rất thuận lợi và khả quan. Tuy nhiên ảnh hưởng của đợt dịch covid-19 lần 4 bùng phát nên các nhà máy, đối tác mua hàng MDF của Công ty bị ngưng hoạt động, các phương tiện vận chuyển gỗ MDF chủ yếu bằng đường bộ, không được phép vào các khu cách ly, giãn cách. Các đơn hàng lớn giao trong những tháng của quý II, III/2021, công ty không thực hiện được do các khu công nghiệp nằm ở các tỉnh Miền đông Nam bộ và TP HCM, Hà Nội cách ly, giãn cách xã hội.

Các đơn hàng xuất khẩu đã ký kết, nhưng chi phí thuê container nhảy vọt quá cao, từ chỗ 15-20USD/cont lên 80-100 USD/cont, nhưng vẫn thiếu cont để thuê dẫn đến việc xuất khẩu không thực hiện được.

Trong quý II, III/2021 giá cả nguyên liệu đầu vào của những mặt hàng nhập khẩu tăng cao liên tục do không nhập được cụ thể: Ure: Là nguyên liệu chính cho sản xuất Keo tăng 144,5% so đầu năm từ 6.340 lên 12.250 rồi lên 15.500 đồng/kg là do giá thế giới cao, thiếu hụt nguồn cung trong nước, các nhà máy tập trung hàng cho nông nghiệp và một số nhà máy dừng bảo dưỡng dài hạn; Melamine: Là nguyên liệu để sản xuất những dòng sản phẩm gỗ thân thiện hơn với môi trường, đạt tiêu chuẩn sạch, không độc hại với người tiêu dùng được khách hàng ưu chuộng tăng giá so với đầu năm 170% từ 25.000 lên 42.000 đồng/kg tiếp tục tăng 68.000 đồng/kg vào tháng 11. Tất cả các nguyên nhiên liệu khác đều tăng như các loại hóa chất, dầu diesel, vv..., vì vậy giá thành sản xuất sẽ tăng cao trong những tháng cuối năm còn lại. Ngược lại việc tiêu thụ sản phẩm gặp phải khó khăn về vận chuyển, giá bán không tăng kịp giá thành sản xuất.

Năm 2021 công ty chứng kiến sản phẩm tồn kho cao nhất từ trước tới nay, thành phẩm hàng tồn kho đầu năm chỉ 4.128 m³ đến 31/12/2021 tồn kho thành phẩm trên 38.057 m³ với giá trị 184 tỷ đồng. Cộng các nguyên liệu, hóa chất như gỗ nguyên liệu, Ure, melamin, nhũ tương, methanol, vv... tỷ đồng. Tổng giá trị hàng hóa tồn kho trên 250 tỷ đồng, chưa kể các khoản phải thu, các khoản phải.

Ảnh hưởng giá cả đầu vào để sản xuất gỗ MDF như Nhũ tương, Ure, Axit, Keo UF vv... bình quân 5 tháng cuối năm 2021 so 6 tháng đầu năm tăng lần lượt 30%, 59%, 8%, 22% vv... làm giá thành sản xuất gỗ MDF tăng 6% so 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, trong điều hành sản xuất Công ty biết cách phải chọn loại nguyên liệu gỗ nào sản xuất tiết kiệm nhất, tiêu hao ít

nhất, Sản xuất sản phẩm nào với năng suất đạt cao nhất, loại bỏ được những tiêu hao không cần thiết, vì vậy tiết kiệm về định mức tiêu hao giảm 6,35% so 6 tháng đầu năm. Nên giá thành sản xuất gỗ MDF vẫn được kiểm chế ở mức thấp, thậm chí còn thấp hơn 6 tháng đầu năm 1,78% và vẫn giữ được kết quả sản xuất kinh doanh cao, ổn định.

1.1 Tình hình sản xuất năm 2020:

Về sản xuất: Tổng sản lượng sản xuất năm 2021 ước khoảng 265.081 m³ đạt 126% kế hoạch năm đề ra và vượt công suất thiết kế trên 47%. So cùng kỳ năm trước chỉ đạt 179.753 m³ thì năm nay cao gấp 1,47 lần. Nguyên nhân do Công ty năm nay tổ chức sản xuất liên tục không nghỉ lễ, tết, không dừng máy trong dịch covid-19, mà vừa sản xuất vừa chống dịch. Đặc biệt hệ thống sản xuất được liên tục, sản phẩm đạt chất lượng được khách hàng đánh giá cao và ưu tiên lựa chọn.

Tổng sản lượng sản xuất gỗ MDF tăng cao nên kéo theo các nguyên liệu công ty tự sản xuất cũng tăng so năm trước như sản lượng sản xuất keo 29.454 tấn tăng 15% so năm trước, sản xuất formeline 17.500 tấn tăng 6% so năm trước.

Trong sản xuất công ty chú trọng nhằm đảm bảo sản xuất liên tục, hạn chế dừng máy mỗi khi chuyển đổi sản phẩm, tránh lãng phí thời gian và nguyên liệu hao hụt 2 đầu. Nếu như trước đây mỗi năm công ty sản xuất 10-15 chủng loại ván khác nhau, thì nay giảm xuống chỉ còn 4-5 chủng loại có ưu thế cạnh tranh về chất lượng, về giá thành, về năng suất sản xuất và lợi nhuận.

1.2. Tình hình kinh doanh:

Kế thừa những biện pháp về sản xuất kinh doanh đúng đắn của những tháng cuối năm 2020, áp dụng vào năm 2021 về dòng hàng sản xuất, về định hướng ưu tiên tiêu thụ sản phẩm tiêu hao nguyên liệu thấp, và giá bán có lợi nhuận cao. Nên năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt được 104,127 tỷ đồng vượt kết quả sản xuất kinh doanh của cả năm 2020 trên 2,37 lần. Và hoàn thành, vượt 222% kế hoạch năm 2021:

Trong năm 2021 mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên cả nước, tuy nhiên công ty đã thực hiện tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch của Chính phủ, địa phương và Tập đoàn để thực hiện đảm bảo mục tiêu kép, qua đó kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đã vượt kế hoạch đề ra, cụ thể: sản lượng đạt 126,23%, doanh thu đạt 114,48% và nộp ngân sách đạt 175,45% kế hoạch năm.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.122.055.795.069	917.174.341.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.515.011.322	3.667.172.366
- Chiết khấu thương mại	04	76.401.322	395.660.869
- Giảm giá hàng bán	05		328.500.129
- Hàng bán bị trả lại	06	2.438.610.000	2.943.011.368
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	1.119.540.783.747	913.507.168.793
4. Giá vốn hàng bán	11	903.516.833.412	758.881.171.330
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch	20	216.023.950.335	154.625.997.463

vụ (20 = 10 - 11)			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	624.618.568	575.620.055
7. Chi phí tài chính	22	29.877.426.495	50.679.785.657
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	29.852.551.575	50.550.507.308
8. Chi phí bán hàng	25	58.870.126.339	60.450.031.739
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.044.711.983	12.031.806.894
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	111.856.304.086	32.039.993.228
11. Thu nhập khác	31	937.826.786	3.628.235.257
12. Chi phí khác	32	8.666.131.452	3.983.476.577
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(7.728.304.666)	(355.241.320)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	104.127.999.420	31.684.751.908
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18.255.277.341	6.662.946.155
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	85.872.722.079	25.021.805.753
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.558	454
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	1.558	454

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành, lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

2.1.1 Tổng giám đốc

Họ và tên	Ông Cao Thanh Nam
Giới tính	Nam
Ngày sinh	10/12/1965
Nơi sinh	Diễn Cát, Diễn Châu, Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến lâm sản
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	8.272.039 cổ phần (15%) <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (0,0091%) • Đại diện phần vốn Nhà nước: 8.267.039 cổ phần (15%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Vợ - Tạ Thị Tâm: 1.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0034% trên vốn điều lệ.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không
---	-------

2.1.2 Phó tổng giám đốc

Họ và tên	Ông Nguyễn Văn Công
Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/02/1964
Nơi sinh	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	27.500 cổ phần (0,0499%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu cá nhân: 27.500 cổ phần (0,0499%) • Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (0%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

2.1.3 Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Ông Nguyễn Thế Mai
Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/7/1975
Nơi sinh	Nghi Phương - Nghi Lộc - Nghệ An
Địa chỉ thường trú	Phường I - TP Đông Hà - Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến lâm sản
Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

2.1.4 Kế toán trưởng

Họ và tên	Ông Nguyễn Mạnh Cường
Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/04/1974
Nơi sinh	Vĩnh Thành - Vĩnh Linh - Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Đông Lương - Đông Hà - Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	3.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0054% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Vợ - Ngô Thị Uyên Nhi: 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0013% trên vốn điều lệ.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

2.2 Cán bộ nhân viên công ty và chính sách đối với người lao động

- Tổng số CBCNV-LĐ có mặt tại thời điểm 01/12/2021 là 410 người. Trong đó: Người quản lý 05 người; Lao động quản lý, chuyên môn 51 người; Lao động trực tiếp 354 người.

- Tổng quỹ tiền lương đạt 64.682.211.720 tỷ đồng. Tiền lương bình quân người lao động đạt là 13.146.791 đồng/người/tháng.

- Công ty đã thực hiện việc đóng nộp đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV-LĐ theo đúng quy định với tổng số tiền đóng bảo hiểm trong năm 2021 là 6.696 triệu đồng. Công tác giải quyết chính sách cho CBCNV LĐ được triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi tối đa cho CBCNV LĐ làm việc tại Công ty.

- Tổ chức họp xét nâng hệ số lương cho CBCNV-LĐ theo định kỳ.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho NLĐ như khám sức khỏe định kỳ.

3. Tình hình đầu tư XDCB.

Năm 2021, trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty phải tập trung mọi nguồn lực cho phòng chống dịch và sản xuất kinh doanh. Nên hạn chế tối đa về đầu tư XDCB, chỉ thực hiện đầu tư những trang thiết bị, những hạng mục thực sự cần thiết cho sản xuất và chống dịch. Vì vậy, Kế hoạch Đầu tư XDCB năm 2021 được Tập đoàn thỏa thuận, phê duyệt với tổng giá trị 142.775 triệu đồng nhưng thực hiện trong năm chỉ là 110.568 triệu đồng, chủ yếu thực hiện việc trả nợ vốn dài hạn.

Việc Đầu tư mua sắm mới trong năm chỉ thực hiện 18,51% so KH đã duyệt cụ thể như bảng sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH đã thỏa thuận	ĐC KH 2021	Tỷ lệ
A.	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ	Tr đ	142.775.000.000	110.568.169.189	77,44%

1.	Đầu tư XD/CB trong năm	"	32.775.000.000	6.068.169.189	18,51%
	- Tổng xây lắp (bao gồm cả XL của các dự án, BCKT)	"	9.000.000.000	1.841.024.694	20,46%
	- Tổng thiết bị " TB ")	"	16.100.000.000	1.836.235.404	11,41%
	- Phương tiện vận chuyên	"	5.100.000.000	2.390.909.091	46,88%
	- Tổng KTCB khác (KTCB#)	"	2.575.000.000	0	0,00%
2.	Trả nợ vay dài hạn	"	110.000.000.000	104.500.000.000	95,00%

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Năm 2021 công ty chứng kiến sản phẩm tồn kho cao nhất từ trước tới nay, thành phẩm hàng tồn kho đầu năm chỉ 4.128 m³ đến 31/8/2021 tồn kho thành phẩm trên 37.570 m³ với giá trị 143 tỷ đồng, đến 31/10/2021 lên đến 47.383 m³ đạt kỷ lục từ trước tới nay với giá trị 184 tỷ đồng. Cộng các nguyên liệu, hóa chất như gỗ nguyên liệu, Ure, melamin, nhũ tương, methanol, vv... 32 tỷ đồng, Thiết bị dự phòng, CCDC 93 tỷ đồng. Tổng giá trị hàng hóa tồn kho trên 309 tỷ đồng, cộng các khoản phải thu 40 tỷ, các khoản phải 59,5 tỷ đồng. Tổng nhu cầu vốn lưu động trong năm tài chính trên 400 tỷ đồng.

Thực hiện đẩy nhanh trả nợ dài hạn lãi suất cao, Công ty tập trung mọi nguồn lực trả hết nợ dài hạn của năm 2021 đến hạn phải trả.

Công ty đã giải tỏa được áp lực trả nợ ngân hàng, rút ngắn được thời gian trả nợ, thông qua việc tổ chức thực hiện khấu hao theo đơn vị sản phẩm, gia tăng năng lực sản xuất vượt công suất thiết kế nhằm thu hồi vốn nhanh.

Từ chỗ vốn vay 70% trong tổng số tài sản cố định đã đầu tư 1.782 tỷ đồng khoảng 1.250 tỷ đồng, đến nay công ty đã trả hết nợ và chỉ còn 220 tỷ đồng. Sau 2 năm nữa công ty sẽ trả hết nợ dài hạn.

Tổng tài sản của công ty năm 2021 đạt mức 1.305,377 tỷ đồng tăng 1,96% so với năm trước.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 công ty thu được 104,128 tỷ đồng tăng 222,34% so năm trước cụ thể sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)
Tổng tài sản	1.305.377	1.280.268	101,96
Sản lượng sản xuất gỗ MDF (m3)	210.000	265.077	126,23
Doanh thu thuần (triệu đồng)	977.973	1.119.541	114,48
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	33.301	104.128	312,69
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	26.641	85.873	322,34
Nộp ngân sách (triệu đồng)	53.954	94.664	175,45

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ thay đổi
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,950	0,876	9%
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
TSLĐ - Hàng tồn kho	Lần	0,157	0,337	-54%
Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,445	0,465	-4%
+ Vốn CSH/Tổng tài sản	%	0,555	0,535	4%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,800	0,870	-8%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán	Vòng	2,60	4,10	-37%
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	0,858	0,714	20%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,077	0,027	180%
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,118	0,037	224%
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,066	0,020	237%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	%	0,100	0,035	185%

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** Tổng số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại là 55.135.595 cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/Cổ phần và tất cả đều là cổ phiếu phổ thông.

b) **Cơ cấu cổ đông:** Danh sách cổ đông nắm giữ vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.

- Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty được thành lập ngày 25 tháng 10 năm 2005. Đến thời điểm hiện tại, cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng theo quy định Luật doanh nghiệp.

- Danh sách cổ đông nắm giữ vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2020:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Ghi chú
1	Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN	46.761.748	84,85%	
	Đại diện: Ông Trương Minh Trung	24.165.096	43,85%	Chủ tịch HĐQT
	Ông Đỗ Hữu Phước	14.329.613	26,00%	Thành viên HĐQT
	Ông Cao Thanh Nam	8.267.039	15,00%	Thành viên HĐQT
2	Công ty Cao Su Tân Biên Đại diện: Ông Huỳnh Duy Hiên	3.367.155	6,11%	Thành viên HĐQT
3	Công ty Cao Su Quảng Trị	3.555.500	6,45%	Thành viên

	Đại diện: Ông Nguyễn Chơn Biên			HĐQT
4	Các cổ đông là cá nhân	1.429.192	2,59%	
Tổng Cộng		55.113.895	100%	

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn đồng thời là cổ đông nhà nước:

b1 Cổ đông trong nước

* Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam - Công ty cổ phần là Công ty mẹ của MDF.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định 248/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 469/QĐ-TTg về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Ngày 05/01/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 38/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015.

Ngày 26/12/2017, Thủ tướng phê duyệt phương án cổ phần hóa – Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam. Ngày 22/05/2018 Tập đoàn tổ chức Đại hội Cổ đông lần đầu ra mắt Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần và chính thức chuyển qua hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/06/2018.

Ngành, nghề kinh doanh:

Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su;

Sản xuất kinh doanh các sản phẩm gỗ;

Sản xuất kinh doanh sản phẩm công nghiệp cao su;

Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản;

Đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Địa chỉ trụ sở chính: 177 Hai Bà Trưng, phường 6 Quận 3 TP HCM

Vốn điều lệ: 40.000.000.000.000 đồng.

Địa chỉ: 177 Hai Bà Trưng - Q.3 - TP. HCM, Việt Nam.

Giấy CNĐKKD: 0301266564 do sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu 30/6/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 1/06/2018.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG – Quảng Trị đến 31/12/2016 là: **46.761.748 cổ phần** chiếm tỷ lệ **84,85%** vốn điều lệ của MDF:

Trong đó: Sở hữu nhà nước: 46.761.748 CP - Tỷ lệ 84,85%

*** Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị:**

Địa chỉ trụ sở chính: 264 Hùng Vương - Phường Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ: 41.329.787.841 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Trồng trọt, công nghiệp, hoá chất phân bón và cao su...

Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 3.555.500 CP - Tỷ lệ 6,45%

Trong đó: Sở hữu nhà nước: 3.555.500 CP - Tỷ lệ 6,45%

*** Công ty cổ phần Cao su Tân Biên:**

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Trồng trọt, công nghiệp, hoá chất phân bón và cao su.

Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 3.367.155 CP - Tỷ lệ 6,11%

Trong đó: Sở hữu nhà nước: 3.367.155 CP - Tỷ lệ 6,11%

b2 Cổ đông nước ngoài: Không

c. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2021

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	215	55.104.095	551.040.950	99,98
	Cổ đông tổ chức	03	53.684.403	536.844.030	97,41
	Cổ đông cá nhân	208	1.429.192	14.291.920	2,59
2	Cổ đông nước ngoài				
	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
	Tổng cộng		55.113.595	551.135.950	100

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu:

a) Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguyên liệu chính để sử dụng sản xuất gỗ MDF từ gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các tỉnh lân cận. Ngoài nguyên liệu gỗ rừng trồng, công ty còn sử dụng, Methanol, Ure và các hóa chất khác để sản xuất Keo UF làm nguyên liệu sản xuất gỗ MDF.

Năm 2021 tổng lượng nguyên liệu sử dụng cho sản xuất gỗ MDF trên 414.383 tấn các loại từ gỗ rừng trồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế để sử dụng sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức:

Công ty không loại bỏ bất cứ một nguyên liệu nào đã nhập về công ty. Nếu có nguyên liệu nào không sản xuất được hoặc các bao bì không làm nguyên liệu được thì công ty sử dụng để đốt lò lấy năng lượng cho sản xuất.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

Công ty tiêu thụ năng lượng thông qua hệ thống đốt lò trực tiếp cung cấp nhiệt lượng cho dây chuyền sản xuất. Đồng thời sử dụng điện năng từ lưới điện quốc gia. Năm 2021 sử dụng 72.330.141 Kw điện năng.

6.3 Tiêu thụ nước:

Công ty sử dụng nước từ nguồn nước của các công ty nước trên địa bàn tỉnh Quảng trị và khối lượng nước sử dụng trong năm 2021: 168.934 m³.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty tuân thủ tuyệt đối về pháp luật bảo vệ môi trường và hoạt động của công ty được các cơ quan bảo vệ môi trường giám sát thường xuyên nên trong năm không bị xử phạt.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổng số lao động năm 2021 nâng lên 400 người với tiền lương bình quân 13.146.791 đồng/người/tháng.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Tham gia và ủng hộ đầy đủ các chương trình từ thiện, đền ơn đáp nghĩa do tỉnh phát động.

6. Nghĩa vụ nộp Ngân sách:

Tổng phải nộp ngân sách năm 2021 cho ngân sách nhà nước lớn nhất từ trước đến nay với số tiền đã nộp: 94,66 tỷ đồng.

+ Nộp tại ngân sách địa phương tỉnh 83.472.543.890 đồng

+ Thuế hàng nhập khẩu: 11.191.240.336 đồng.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Mặc dù năm 2021 là năm đầy biến động và thách thức trong vô vàn khó khăn từ đại dịch covid-19 gây ra, tác động tiêu cực đến mọi mặt về đời sống của nhân dân, gây thêm gánh nặng cho phát triển kinh tế của đất nước.

Nhưng với tinh thần quyết tâm của toàn thể CB-CNV công ty cổ phần gỗ MDF Quảng Trị không để sản xuất kinh doanh bị đứt gãy quyết tâm “Vừa chống dịch, vừa sản xuất kinh doanh”, khắc phục những điểm yếu, kế thừa và phát huy những biện pháp hiệu quả của năm trước. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt được rất đáng khích lệ, trên tất cả các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh và đạt mức kỷ lục từ trước tới nay. Đồng thời hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận đề ra cụ thể:

TT	Chỉ tiêu khối lượng	ĐVT	Kế hoạch 2021	năm 2021	Tỷ lệ so kế hoạch
1	Sản lượng sản xuất gỗ	m3	210.000	265.081,19	126%
	Sản lượng SX gỗ MDF đạt	m3	209.577	264.667,77	126%
	Sản lượng gỗ MDF hỏng	m3	423	413,42	98%
2	Sản lượng tiêu thụ gỗ	m3	204.671,94	223.953,80	109%
	Nội địa	m3	178.982,65	222.531,77	124%
	Xuất khẩu	m3	25.689,29	1.422,03	6%
	KQ KINH DOANH				
1	Doanh thu thuần	Tr đ	977.974	1.121.103	115%
'-	Doanh thu SXKD gỗ MDF	Tr đ	977.974	1.110.899	114%
	Xuất khẩu	Tr đ	131.326	8.535	6%
	Nội địa	Tr đ	846.648	1.102.364	130%
'-	Doanh thu Keo	Tr đ		8.642	
'-	Doanh thu HĐTC	"	-	625	
'-	Doanh thu khác	"	-	938	

2	Tổng chi phí	"	944.673	1.016.975	108%
'-	Chi phí SXKD gỗ MDF	"	900.838	971.097	108%
	Giá vốn gỗ MDF	"	810.827	896.183	111%
	Chi phí QLDN	"	16.640	16.045	96%
	Chi phí bán hàng	"	73.371	58.870	80%
'-	Chi phí kinh doanh keo	"	-	7.334	
'-	Chi phí tài chính	"	43.835	29.877	68%
'-	Chi phí khác	"	-	8.666	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	33.301	104.128	313%
'-	SXKD gỗ MDF	"	77.136	139.802	181%
'-	SXKD Keo	"	-	1.307	
'-	Hoạt động tài chính	"	(43.835)	(29.253)	67%
'-	Hoạt động khác	"	-	(7.728)	
4	Thuế TNDN phải nộp	'	6.660	18.255	274%
5	Lợi nhuận sau thuế	'	26.641	85.873	322%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Trong năm 2021 có sự thay đổi về nhân sự trong ban điều hành là: Đồng chí Phó tổng giám đốc Nguyễn Thế Mai nghỉ việc kể từ ngày 10/12/2021.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Trên thị trường Việt Nam, gỗ MDF hiện nay chủ yếu nhập về từ Malaysia, Indonexia, Thái Lan, một phần nhỏ xuất xứ từ Trung Quốc có chất lượng kém hơn.

Gỗ MDF có xuất xứ tại Việt Nam là gỗ MDF Gia lai, MDF Tân Việt-Trung và MDF Quảng Trị, theo đánh giá chung chất lượng của MDF Việt trung có chất lượng kém hơn cả và có xu hướng sản xuất theo đơn đặt hàng chất lượng thấp để cạnh tranh giá nhằm vào các khách hàng có thu nhập thấp sử dụng.

Nhu cầu sử dụng gỗ MDF tại thị trường Việt Nam bình quân vào khoảng 150 ngàn m³/tháng; 1.800 ngàn m³/năm. Như vậy việc mở rộng công suất của nhà máy lên gấp đôi chỉ đáp ứng khoảng 6-7% nhu cầu thị trường trong năm.

Xét về giá, mặt hàng MDF nhập khẩu vào Việt nam (trừ MDF Trung Quốc) cao hơn MDF VRG Quảng Trị từ 3 - 5% trong khi chất lượng hàng hóa gần như tương đương, chênh lệch không đáng kể.

Triển vọng về tiêu thụ sản phẩm gỗ MDF trong nước cũng như xuất khẩu trong vài năm tới là rất lớn. Hiện công ty sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó, không những tiêu thụ hết mà còn nhiều đơn đặt hàng xuất khẩu lớn không đáp ứng kịp, trong tương lai phải đầu tư thêm nhiều nhà máy sản xuất gỗ MDF nữa để bù lượng thiếu hụt phải nhập khẩu.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của công ty

Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao về các mặt hoạt động thực hiện hoàn thành và vượt kế hoạch các chỉ tiêu trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời giữ ổn định thu nhập đảm bảo đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân viên công ty trong năm 2021. Tạo động lực cho phát triển sản xuất kinh doanh cho những năm tiếp theo.

2. Đánh giá Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hoạt động của Ban giám đốc công ty năm 2021 là đáng khích lệ, trong bối cảnh kinh tế khó khăn ban giám đốc mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm và đã thành công trong việc chuyển đổi cơ cấu chủng loại sản phẩm sản xuất hàng chất lượng cao, hàng chống ẩm, chống cháy vv... góp phần nâng cao doanh số và hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội Đồng Quản Trị

Nằm trong chiến lược phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2010-2015 sản xuất 650.000 m³/năm. Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng trị là công ty con của Tập đoàn và được chọn là hạt nhân trong chiến lược phát triển đó. Vì vậy định hướng phát triển của công ty đã hoàn thành dự án sản xuất gỗ MDF công suất 120.000 m³/năm và định hướng mở rộng cho những năm tiếp theo tại các tỉnh thành khác.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT: 05 người, HĐQT họp theo định kỳ và đưa ra những Nghị quyết để Công ty thực hiện, các Nghị quyết của HĐQT đều được triển khai và thực hiện đầy đủ. Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và lý lịch trích ngang cụ thể sau:

a1) Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	Ông Trương Minh Trung
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/12/1968
Nơi sinh	Xã Phú Hữu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Cần Thơ.
Số chứng minh nhân dân	093068000095 cấp ngày 30/1/2018 nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Minh Lương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
Địa chỉ thường trú	Số 225/23A Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện nay	số 793/55/17E Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. HCM.
Số điện thoại liên lạc	0913743009
Trình độ văn hóa	12/12

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam; Chủ tịch HĐQT – Công ty CP MDF VRG Dongwha; Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH MTV cao su Chư Sê; Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH MTV cao su Tân Biên; Chủ tịch HĐQT- Công ty CP thủy điện Geruco Sông Côn.
Số cổ phần nắm giữ	24.165.096 cổ phần (43,85%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%) • Đại diện phần vốn Nhà nước: 24.165.096 cổ phần (43,85%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a2) Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Ông Đỗ Hữu Phước
Giới tính	Nam
Ngày sinh	20/12/1968
Nơi sinh	Bình Định
Số chứng minh nhân dân	024677485 cấp ngày 11/5/2009 do CA TP HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tây Sơn – Bình Định
Địa chỉ thường trú	67/53A, Hoàng Hoa Thám, Phường 6, Bình Thạnh
Số điện thoại liên lạc	0918770395
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kỹ thuật
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng Ban Xây Dựng Cơ Bản Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ	14.319.613 cổ phần (26%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%) • Đại diện phần vốn Nhà nước: 37.943.573 cổ phần

	(26%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a3) Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Ông Huỳnh Duy Hien
Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/02/1983
Nơi sinh	Hòa Thành – Tây Ninh
Địa chỉ thường trú	Ấp Tân Trường, Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng trị.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng phòng KH-ĐT của Cty cổ phần Cao Su Tân Biên
Số lượng cổ phần nắm giữ	3.367.155 cổ phần (6,11%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%) • Đại diện phần vốn Nhà nước: 3.367.155 cổ phần (6,11%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a4) Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Ông Nguyễn Chon Biên
Giới tính	Nam
Ngày sinh	30/10/1981
Nơi sinh	Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Khu phố Tân Vĩnh, Phường Đông lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại	Ủy viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị.
Số lượng cổ phần nắm giữ	3.555.500 cổ phần (6,45%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%) • Đại diện phần vốn Nhà nước: 3.555.500 cổ phần (6,45%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a5) Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (đã nêu trên)

b) Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị:

Thường niên Hội đồng Quản trị triệu tập cổ đông họp để biểu quyết các kết quả đạt được trong năm và kế hoạch định hướng cho hoạt động năm và các quyết định đầu tư thực hiện các dự án.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

a1 Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên	Ông Lê Chiến Sỹ
Giới tính	Nam
Ngày sinh	06/02/1976
Nơi sinh	Triệu Độ - Triệu phong - Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Khu phố 3 - Phường 5 – Đông Hà - Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	- 3/2001-3/2007 Nhân viên kế toán Cty XD 78. - 4/2007-9/2008 Phó phòng kế toán Cty XD 78. - 10/2008-6/2009 Trợ Lý TGD Cty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị. - 6/2009-6/2010 Nhân viên Kế toán công ty cổ phần phân Vi sinh Quảng Trị. - 7/2010-3/2011 P Phòng kế toán Cty cổ phần Vi sinh Quảng Trị. - 4/2011-9/2014 Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính cty

	CP Vi sinh Quảng Trị. - 9/2014-3/2015 Trợ lý TGD kiêm kế toán Tổng hợp hợp dự án MDF dây chuyền 2 Cty MDF VRG Quảng Trị. - 3/2015 đến nay Trưởng Ban kiểm soát Cty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị.
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a2 Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Hồng Minh
Giới tính	Nam
Ngày sinh	23/11/1972
Nơi sinh	Nghệ An
Số chứng minh nhân dân	040072000129
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Ngọc Sơn, Huyện : Hiệp Hòa, Tỉnh : Bắc Giang.
Địa chỉ thường trú	525/2/3 Tân Sơn – Phường 12 – Quận Gò Vấp – TP. HCM
Số điện thoại liên lạc	0918643611
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử Nhân Kinh tế
Chức vụ hiện tại	Kiểm soát viên
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Ban Tài chính - Kế Toán - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam
Quá trình công tác	- Tháng 08 năm 2004, Cơ quan tuyển dụng : Xí nghiệp Chế Biến Gỗ Đông Hòa trực thuộc Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su. - Từ tháng 1/2020 đến nay: Nhân viên Kế toán – Ban Tài chính - Kế Toán - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam - Từ 2020 đến nay phó Ban Tài chính - Kế Toán - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam.
Bằng cấp	Cử nhân kinh tế
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

a3 Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Ông Nguyễn Hữu Trung
Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/08/1989
Nơi sinh	Gio Sơn – Gio Linh – Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	KP Tây Trì, phường I, TP Đông Hà, Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó giám đốc - Kế toán xí nghiệp chế biến
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát họp để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát hàng tháng, quý, 6 tháng, năm kiểm ra các hoạt động của công ty và báo cáo trong các kỳ họp Hội đồng Quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc và ban kiểm soát.

2.1 Quyền lợi của Ban giám đốc:

Tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

3.2 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Trương Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	21.000.000	Thù lao
2	Đỗ Hữu Phước	Thành viên HĐQT	21.000.000	Thù lao
3	Nguyễn Chơn Biên	Thành viên HĐQT	21.000.000	Thù lao
4	Huỳnh Duy Hiền	Thành viên HĐQT	21.000.000	Thù lao
5	Nguyễn Minh Đức	Thư ký HĐQT	19.000.000	Thù lao
6	Lê Chiến Sỹ	Trưởng Ban kiểm soát	235.634.440	Lương chuyên trách
7	Nguyễn Hữu Trung	Kiểm soát viên	21.500.000	Thù lao
8	Nguyễn Hồng Minh	Kiểm soát viên	21.500.000	Thù lao
9	Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc	395.242.933	Lương + Thù lao
10	Nguyễn Văn Công	P. Tổng Giám đốc	270.286.561	Tiền lương
11	Nguyễn Thế Mai	P. Tổng Giám đốc	270.286.561	Tiền lương
12	Nguyễn Mạnh Cường	Kế Toán Trưởng	235.634.440	Tiền lương

Đối với các thành viên HĐQT đại diện vốn Nhà nước, tiền thù lao được chuyển về tổ chức nơi các thành viên đang làm việc.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán. Đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

2. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị Kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
- Địa chỉ: Số 2, Ngách 31/26, Phố Trần Quốc Hoàn, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 02432002016
- **Ý kiến kiểm toán độc lập:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty gỗ MDF VRG Quảng Trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Trung tâm LK&CK VN;
- Lưu VT, TC-KT

